

LỰA CHỌN CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỂ THAO NGOẠI KHÓA CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

ThS. Lê Việt Dũng

Tóm tắt: Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy, nghiên cứu tiến hành lựa chọn các giải pháp (GP) phát triển thể thao ngoại khóa (TTNK) cho sinh viên (SV) trường Đại học Tây Bắc (ĐHTB). Kết quả tính toán chúng tôi lựa chọn 4 GP cấp thiết và khả thi nhằm phát triển phong trào TTNK cho SV trường ĐHTB

Từ khóa: Giải pháp, ngoại khóa, sinh viên, Đại học Tây Bắc

Abstract: The article uses conventional scientific research methods, methods of document synthesis, method of discussion interviews, Swot analysis methods, mathematical and statistical methods... solutions to develop extracurricular sports for students of Tây Bắc University. Based on the calculation results, we selected 4 urgent and feasible solutions to develop the extracurricular sports movement for students of Tay Bac University.

Keywords: solutions, extracurricular, students, Tay Bac University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mục tiêu của các GP phát triển phong trào TDTT NK là tạo nên một phong trào tập luyện TTNK phù hợp với đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và điều kiện cụ thể của địa phương và của nhà trường. Hình thức tham gia phải tự nguyện, tự giác, phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe, nhu cầu, đặc điểm của SV trường ĐHTB. Có chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của SV để nhằm tạo nên những hoạt động TTNK một cách bền vững. Tuy nhiên, việc phát triển phong trào TTNK cho SV trường ĐHTB là một nhiệm vụ quan trọng, tác động trực tiếp đến đời sống hàng ngày của SV ở nội trú, ảnh hưởng đến nhận thức, tâm lý và hoạt động của SV, ngoài ra nó phải có kế hoạch, hệ thống và phối kết hợp tốt với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong và ngoài trường, các doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các phòng

ban chức năng và các bộ môn chuyên ngành. Vì vậy, khi đề xuất các GP nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục TTNK cho SV, nhất thiết phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản, sao cho khi các GP được triển khai thực hiện phải phù hợp với thực tiễn và mang lại hiệu quả nhất định, các GP phải đảm bảo tính hệ thống, tính khoa học, tính phù hợp, tính thực tiễn, tính đồng bộ, cũng như đảm bảo điều kiện vận dụng các GP đó.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn tọa đàm, toán học thống kê

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Lộ trình lựa chọn các GP phát triển thể thao trong trường ĐHTB, được thông qua khảo sát, trưng cầu ý kiến chuyên gia thông qua phiếu phỏng vấn, với 2 phương án trả lời cho vấn đề cần tư vấn là: tính cấp thiết và tính khả thi khi lựa chọn các GP.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn GP (Nhóm SV, n=276)

TT	Nhân tố ảnh hưởng	Tính cấp thiết		Tính khả thi		Xếp loại		r
		$\bar{X}$	δ	$\bar{X}$	δ	Tích cực	Tiêu cực	
1	GP1	3.89	0.17	3.42	0.13	2	6	0.9
2	GP2	3.34	0.07	3.55	0.11	10	3	0.68
3	GP3	3.71	0.2	3.11	0.17	3	10	0.58
4	GP4	3.53	0.13	3.32	0.12	5	9	0.87
5	GP5	4.17	0.2	3.51	0.15	1	5	0.99
6	GP6	3.37	0.16	3.66	0.16	8	1	0.53
7	GP7	3.39	0.12	3.59	0.11	7	2	0.38
8	GP8	3.58	0.21	3.42	0.18	4	6	0.97
9	GP9	3	0.15	3.54	0.15	12	4	0.66
10	GP10	3.47	0.23	3.38	0.21	6	7	0.92
11	GP11	3.36	0.28	3.34	0.26	9	8	0.81
12	GP12	3.26	0.2	3.54	0.2	11	4	0.88

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất 12 GP, trong mỗi GP gắn liền với các nhiệm vụ. Cụ thể như sau:

GP 1: BGH thống nhất kế hoạch tuyên truyền về lợi ích của TTNK theo Luật thể thao và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

GP 2: SV hưởng ứng chủ trương của nhà trường.

GP 3: Hội SV và các Phòng ban phối hợp với nhau để tuyên truyền lợi ích của TTNK

GP 4: Đẩy mạnh phong trào TTNK ở khu kí túc xá SV

GP 5: Bộ môn GDTC phân công GV tham gia quản lý và hướng dẫn tập luyện TTNK

GP 6: Nhà trường thường xuyên biểu dương tấm gương tốt về TTNK

GP 7: Nhà trường có chính sách khuyến khích tham gia tập luyện TTNK

GP 8: Xây dựng CLB từng môn và đa môn theo nguyện vọng của SV và điều kiện cơ sở vật chất hiện có

GP 9: Nhà trường tăng cường sân bãi, nhà tập để học tập

GP 10: Khuyến khích xã hội hóa trong tổ chức thi đấu

GP 11: Tổ chức các giải thi đấu để SV tham gia và khích lệ phong trào

GP 12: Tham gia TTNK là cơ hội để nâng cao thể thao và học tập trong trường.

Dựa trên quy trình lựa chọn các GP đề tài tiến hành đánh giá mối tương quan giữa tính cấp thiết và khả thi khi thực hiện 12 GP nêu trên cho nhóm SV và nhóm cán bộ giảng viên. Nếu như hệ số tương quan thấp hơn 0.7 thì sẽ loại bỏ những GP đó và những hệ số tương quan lớn hơn 0.7 sẽ tiếp tục đưa vào xử lý.

Thông qua bảng 1 cho thấy những GP có hệ số tương quan thấp hơn 0.7 sẽ bị loại, đó là GP2, GP3, GP6, GP7, GP9 và những hệ số tương quan cao hơn 0.7 được tổng hợp ở bảng 2 và tiếp tục đưa vào xử lý.

Về mặt lý thuyết nhà nghiên cứu có thể được xây dựng từ một nhóm câu hỏi khác nhau. Tuy nhiên đó là lý thuyết, về mặt thực tế có thể trong những câu hỏi có những câu hỏi không cần thiết. Để kiểm tra việc này đề tài sử dụng chỉ số thống kê là hệ số Cronbach Alpha. Phép kiểm định này phản ánh mức độ tương quan chặt chẽ giữa các biến quan sát trong cùng 1 nhân tố. Nó cho biết trong các biến quan sát của một nhân tố, biến nào đã đóng góp vào việc đo lường khái niệm nhân tố, biến nào không.

Bảng 2. Bảng rút gọn sau khi loại các giải pháp có hệ số tương quan thấp theo 5 hệ số Cronbas Alpha (Nhóm SV, n = 276)

TT	Nhân tố ảnh hưởng	Tính cấp thiết					Tính khả thi					r
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	
1	GP1	1	6	100	84	85	18	30	106	63	59	0.9
2	GP4	10	32	101	69	64	11	51	92	83	39	0.87
3	GP5	2	5	70	66	133	34	29	62	64	87	0.99
4	GP8	1	6	143	84	42	18	30	106	63	59	0.97
5	GP10	1	9	159	73	34	8	47	105	63	53	0.92
6	GP11	0	6	187	61	22	12	48	92	83	41	0.81
7	GP12	26	4	140	84	22	13	22	106	74	61	0.88

Bảng 3. Kiểm định độ tin cậy Cronbach Anpha của các GP (Nhóm SV)

Mức độ	Điểm	GP1	GP4	GP5	GP8	GP10	GP11	GP12	Tổng điểm	Tổng điểm phương sai (σ_v^2)
Tính cấp thiết	1	1	10	2	1	1	0	26	41	68515.64
	2	6	32	5	6	9	6	4	68	
	3	100	101	70	143	159	187	140	900	
	4	84	69	66	84	73	61	84	521	
	5	85	64	133	42	34	22	22	402	
Tính khả thi	1	18	11	34	18	8	12	13	114	
	2	30	51	29	30	47	48	22	257	
	3	106	92	62	106	105	92	106	669	
	4	63	83	64	63	63	83	74	493	
	5	59	39	87	59	53	41	61	399	
Phương sai theo cột		1375.76	930.76	1400.96	1874.56	2145.36	2822.16	1844.76		
Tổng phương sai theo cột ($\Sigma\sigma_x^2$)		12394.32								
Conbach Anpha		0.830973373								
Số lượng câu hỏi (K)		70								
Tổng phương sai ($\Sigma\sigma_x^2$)		12394.32								
Tổng điểm phương sai (σ_v^2)		68515.64								
Conbach Anpha		0.8309734								

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn lựa chọn GP – Nhóm Quản lý, CB GV (n=23)

TT	Nhân tố ảnh hưởng	Tính cấp thiết		Tính khả thi		Xếp loại		r
		$\bar{X}$	δ	$\bar{X}$	δ	Cấp thiết	Khả thi	
1	GP1	3.43	0.27	3.17	0.24	2	3	0.97
2	GP2	3.39	0.24	2.91	0.24	3	5	0.1
3	GP3	3.43	0.27	3.17	0.24	2	3	0.97
4	GP4	3.61	0.25	2.57	0.29	1	7	-0.16
5	GP5	3.43	0.27	3.17	0.24	2	3	0.97
6	GP6	3.17	0.21	3.17	0.19	5	3	0.88
7	GP7	3.22	0.09	3.3	0.1	4	2	0.25
8	GP8	3.22	0.23	2.87	0.2	4	6	0.84
9	GP9	3.39	0.26	3	0.24	3	4	0.97
10	GP10	2.57	0.15	3.87	0.16	6	1	-0.44
11	GP11	3.22	0.23	2.87	0.2	4	6	0.84
12	GP12	3.61	0.25	2.57	0.29	1	7	-0.16

Bảng 5. Bảng rút gọn sau khi loại các GP có hệ số tương quan thấp (Nhóm Quản lý, CB GV)

TT	Nhân tố ảnh hưởng	Tính cấp thiết					Tính khả thi					r
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	
1	GP1	0	0	14	8	1	2	3	10	5	3	0.97
2	GP3	0	0	14	8	1	2	3	10	5	3	0.97
3	GP5	0	0	14	8	1	2	3	10	5	3	0.97
4	GP6	3	0	11	8	1	2	3	10	5	3	0.88
5	GP8	0	3	12	8	0	4	3	10	4	2	0.84
6	GP9	0	1	15	4	3	2	3	13	3	2	0.97
7	GP11	0	3	12	8	0	4	3	10	4	2	0.84

Bảng 6. Kiểm định độ tin cậy Cronbach Anpha của các GP (Nhóm Quản lý, CB GV)

Mức độ	Điểm	GP1	GP3	GP5	GP6	GP8	GP9	GP11	Tổng điểm	Tổng điểm phương sai (σ_y^2)	
Tính cấp thiết	1	0	0	0	3	0	0	0	3	828.56	
	2	0	0	0	0	3	1	3	7		
	3	14	14	14	11	12	15	12	92		
	4	8	8	8	8	8	4	8	52		
	5	1	1	1	1	0	3	0	7		
Tính khả thi	1	2	2	2	2	4	2	4	18		
	2	3	3	3	3	3	3	3	21		
	3	10	10	10	10	10	13	10	73		
	4	5	5	5	5	4	3	4	31		
	5	3	3	3	3	2	2	2	18		
Phương sai theo cột		19.64	19.64	19.64	13.04	15.04	23.44	15.04			
Tổng phương sai theo cột ($\Sigma\sigma_x^2$)				125.48							
Conbach Anpha				0.860854453							
Số lượng câu hỏi				70							
Tổng phương sai ($\Sigma\sigma_x^2$)				125.48							
Tổng điểm phương sai (σ_y^2)				828.56							
Conbach Anpha				0.8608545							

Để xác định độ tin cậy của kết quả phỏng vấn, đề tài đã kiểm nghiệm thông qua xác định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Muốn tính toán được hệ số tin cậy, trước tiên đề tài cần thực hiện xoay lại kết quả bảng và chuyển các dữ liệu từ hàng ngang thành hàng dọc và ngược lại. Ở phần mềm SPSS và tính toán ở excel 2019 cho thấy $\alpha = 0.830973373$ cùng 1 kết quả giống nhau, đủ độ tin cậy trong thống kê, có thể ứng dụng vào thực tiễn.

Những GP ở nhóm SV đủ độ tin cậy đó là: GP1, GP4, GP5, GP8, GP10, GP11, GP12.

Tiếp đến đề tài đánh giá mối tương quan giữa tính cấp thiết và khả thi khi thực hiện 12 GP nêu trên cho nhóm cán bộ quản lý.

Để xác định độ tin cậy của kết quả phỏng vấn ở bảng 4 đề tài đã kiểm nghiệm thông qua xác định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Muốn tính toán được hệ số tin cậy của bảng 4 trước tiên đề tài cần thực hiện xoay lại kết quả bảng và chuyển các dữ liệu từ hàng dọc thành hàng ngang và ngược lại. Kết quả được trình bày ở bảng 5. Kết quả ở bảng tính ở cả phần mềm SPSS và tính toán ở excel 2019 cho thấy $\alpha = 0.860854453$ cùng 1 kết quả giống nhau, như vậy sau khi loại hệ số tương quan thấp thì các GP đủ độ tin cậy trong thống kê.

Như vậy, 07 GP mà đề tài phỏng vấn cán bộ, giảng viên đạt yêu cầu về toán học thống kê, có thể ứng dụng vào thực tiễn đó là: GP1, GP3, GP5, GP6, GP8, GP9, GP11.

Sau đây là kết quả các GP của 2 đối tượng cùng có ý kiến, đạt tính cấp thiết và khả thi.

Nhóm SV	GP1	GP4	GP5	GP8	GP10	GP11	GP12
Nhóm CB	GP1	GP3	GP5	GP6	GP8	GP9	GP11

Kết quả có 4 GP trùng nhau và được lựa chọn là: GP1, GP5, GP8, GP11 có nội dung cụ thể như sau:

GP1: Ban Giám hiệu thống nhất kế hoạch tuyên truyền về lợi ích của TTNK theo luật thể thao và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mục đích: Để SV có nhận thức đúng về Luật 20 quy định “Hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của người học, được tổ chức theo phương thức ngoại khóa phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe, nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao”

Nội dung: Thông tin tuyên truyền thông qua những hình thức, công cụ riêng, chủ yếu là các biện pháp trực quan, tác động trực tiếp vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của SV, lôi cuốn họ vào những hoạt động theo mục tiêu đã định. Đây là một trong những GP rất quan trọng trong việc giúp SV nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của TDTT đến sức khỏe của con người. Qua đó thúc đẩy tinh thần tập luyện TDTT thường xuyên liên tục của các em cũng như giúp các em có được những kiến thức, kinh nghiệm tập luyện các môn

thể thao, từ đó các em có thể truyền tải lan tỏa đến những người khác. Với nhóm GP này, bên cạnh những nhóm GP đã trình bày thì GV giảng dạy TDTT cần nêu cao ý nghĩa, tầm quan trọng của môn GDTC trong những giờ lên lớp. Bởi đây là cách tuyên truyền trực tiếp nhanh nhất về vai trò của tập luyện TDTT đối với mọi người.

Phương thức tiến hành: Bộ môn GDTC kiến nghị với nhà trường chủ trương kế hoạch phong trào TTNK phù hợp với nội dung bài “Thể dục và sức khỏe” của Bác Hồ năm 1946, Lời kêu gọi thể thao của Bác Hồ.

GP5: Bộ môn GDTC phân công GV tham gia quản lý và hướng dẫn tập luyện TTNK

Mục đích: Phân công những GV, cán bộ nhiệt tình, đúng chuyên môn quản lý và tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền cho SV tập luyện TTNK, qua đó giúp cho các em yêu thích, tập luyện bài bản và đúng cách.

Nội dung: Cơ cấu tổ chức hợp lý khoa học, đội ngũ cán bộ quản lý và GV đảm bảo về số lượng và chất lượng với thực tiễn thì sẽ đáp ứng được nhu cầu nâng cao chất lượng công tác GDTC của các trường. Bởi đây là đội ngũ tiên phong trong mọi công việc khi họ được sắp xếp vị trí công việc hợp lý, được tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được làm việc trong một môi trường thuận lợi về tinh thần và vật chất thì sẽ thành công. Dựa theo quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ thì tỷ lệ GV TDTT trên số SV của trường ĐHTB hiện nay tỷ lệ còn thấp, cho nên về số lượng GV phụ trách hoạt động TTNK thiếu rất nhiều. Chính vì vậy nhà trường cần có kế hoạch giao nhiệm vụ cụ thể nhằm bảo đảm số lượng GV để thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng công tác GDTC ngoại khóa.

Phương thức tiến hành: Xây dựng kế hoạch và lập quy chế, chế độ cho GV giảng dạy ngoại khóa được 2-3 tiết/ tuần và hoạt động cộng đồng. Tập huấn chuyên môn và xây dựng nhiệm vụ cho cán bộ GV tham gia. Thường xuyên báo cáo, kiểm tra, đánh giá qua đó đưa ra những giải pháp phát triển khả quan cho TTNK của nhà trường.

GP8: Xây dựng CLB từng môn và đa môn theo nguyện vọng của SV và điều kiện cơ sở vật chất hiện có

Mục đích: Khuyến khích HSSV tham gia đồng đẳng, tự nguyện để tăng cường sức khỏe, vui chơi giải trí. Xây dựng nếp sống văn hóa học đường. Chọn ít nhất 1 môn thể thao để rèn luyện dưới hình thức CLB thể thao của nhà trường. Mỗi học sinh phần đầu là người tập TDTT thường xuyên 2 buổi/tuần và mỗi lần 30 phút trở lên.

Nội dung: Nhà trường cần xây dựng chương trình nội khóa theo hướng các môn thể thao tự chọn nhằm phát huy tính tích cực sáng tạo của SV. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SV được lựa chọn những môn thể thao mà bản thân yêu thích. Bên cạnh đó cần xây dựng chương trình TTNK và tổ chức tập luyện theo hình thức CLB, có GV quản lý và hướng dẫn bài bản. Hiện tại phong trào tập luyện TDTT ngoại khóa ở trường ĐHTB còn yếu kém, chỉ có 03 CLB thể thao thường xuyên tập luyện, quá ít so với số lượng SV hiện có của trường, cần phải chú trọng phát triển, thành lập

mới, nâng cấp cả về số lượng lẫn chất lượng các CLB TDTT mà SV yêu thích, nhằm đa dạng hóa các môn đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao của SV, qua đó thu hút SV tham gia luyện tập thường xuyên, liên tục, tránh xa được các tệ nạn xã hội cũng như nâng cao sức khỏe cho SV. Để thúc đẩy phong trào tập luyện TDTT được thường xuyên liên tục trong SV, trường ĐHTB cần đưa tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực cho HS-SV theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT vào thực hiện kiểm tra mỗi năm một lần, cùng với kết quả học tập theo chương trình nội khóa để cấp chứng chỉ GDTC làm điều kiện công nhận tốt nghiệp cuối khóa

Phương thức tiến hành: Về tổ chức CLB nâng cao: Nhà trường tổ chức và tuyển chọn thành viên các môn như: Bóng chuyền, bóng đá, bóng chuyền hơi nữ, đá cầu, điền kinh, võ taekwondo để tham gia thi đấu các giải trong ngành giáo dục, các cụm trường và giải hữu nghị với các đơn vị khác trong tỉnh Sơn La. Qua đó dần nâng cao thành tích và vị thế cho nhà trường. CLB nâng cao phải do GV được phân công đảm nhận quản lý.

Thành lập thêm các CLB sức khỏe và giải trí ở các môn: CLB Bì sắt, CLB Bóng bàn, CLB Bóng rổ, CLB Điền kinh, CLB Cầu lông, Các CLB này ghi danh do cộng tác viên là SV phụ trách và động viên tập luyện hàng ngày. Mỗi một GV và một SV là chủ nhiệm của 1 CLB.

GP11: Tổ chức các giải thi đấu để SV tham gia và khích lệ phong trào TTNK

Mục đích: Xây dựng kế hoạch và tổ chức các giải thi đấu của mỗi môn thể thao giữa các khoa, các lớp vào các buổi chiều và thứ 7 – Chủ nhật hàng tháng và các ngày lễ kỉ niệm trong năm

Nội dung: Thi đấu là dịp bồi dưỡng năng lực nghề cho cán bộ GV và SV, và là biện pháp xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Tăng cường xây dựng kế hoạch và tổ chức các giải thể thao nội bộ giữa các lớp các khoa và thi đấu giữa các trường trong khu vực, tổ chức các giải có ý nghĩa động viên và khích lệ phong trào TTNK, đồng thời tuyên chọn những

người có năng khiếu và bồi dưỡng huấn luyện để tham gia thi đấu đạt thành tích cao hơn tại các giải, điều đó giúp nâng cao vị thế của nhà trường trong xã hội.

Phương thức tiến hành: Ngày 8/3-27/3 tổ chức các giải bóng chuyền do Đoàn thanh niên tổ chức và Đoàn thanh niên vận động tổ chức giải thưởng.

Như vậy, qua kết quả tính toán, đề tài lựa chọn 4 GP cấp thiết và khả thi trong 12 GP đã đề ra nhằm phát triển phong trào TTNK cho SV trường ĐHTB. Các GP này đã được các nhà cán bộ quản lý và GV, SV trường ĐHTB lựa chọn ở mức độ rất đồng ý. Còn những GP còn lại ở SV và cán bộ GV thì được coi là GP quan trọng bởi chúng đã đạt chỉ số Cronbach's Alpha ở trong nhóm của mình. Điều đó phù hợp với lý luận và thực tiễn của HSSV ở chỗ là ngoài những GP chính rất cấp thiết và khả thi là GP1, GP5, GP8, GP11. Đối với SV còn có thêm các điểm xây dựng CLB ở kí túc xá (GP4). Chú ý đến vận động tài trợ cho tổ chức thi đấu ở trong trường (GP10). Và SV quan niệm tham gia TTNK cũng là cơ hội để họ có kết quả đạt tiêu chuẩn về năng lực thể chất (GP12). Còn cán bộ, GV nhấn mạnh thêm GP Hội SV và các phòng ban cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức (GP3) và Nhà trường tăng cường kế hoạch xây dựng những gương tốt, việc tốt trong TTNK và cần bổ sung cơ sở vật chất (GP9).

3. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu, luận án đã lựa chọn được 04 GP thích hợp nhằm phát triển TTNK trường ĐHTB, gồm:

GP 1: Ban giám hiệu thống nhất kế hoạch tuyên truyền về lợi ích của TTNK theo luật thể thao và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

GP 2: Bộ môn GDTC phân công giảng viên tham gia quản lý và hướng dẫn tập luyện TTNK.

GP 3: Xây dựng câu lạc bộ từng môn và đa môn theo nguyện vọng của SV và điều kiện cơ sở vật chất hiện có.

GP 4: Tổ chức các giải thi đấu để SV tham gia và khích lệ phong trào TTNK.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT, Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008 về ban hành Quy định tổ chức hoạt động TTNK cho học sinh, SV.
2. Đinh Thị Quỳnh Anh (2014), Nghiên cứu GP nâng cao hiệu quả tập luyện TDTT ngoại khóa cho SV trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
3. Đỗ Mạnh Cường (2012), Xây dựng và ứng dụng chương trình tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn bóng chuyền cho học sinh trường trung cấp TDTT Yên Bái, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
4. Nguyễn Đức Thành (2013), Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa của SV một số trường Đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT.
5. Nguyễn Toán và Phạm Danh Tôn (2006), Lý luận và phương pháp TDTT, Nxb TDTT, Hà Nội.
6. Nguyễn Xuân Sinh (2012), Lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, Nxb TDTT, Hà Nội.
7. Trường ĐHTB (2013), Chương trình đào tạo đại học ngành GDTC ban hành theo quyết định số 907/QĐ-ĐTĐH ngày 4/9/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB.

Nguồn bài báo: Bài báo trích từ kết quả nghiên cứu luận án tiến sĩ KHGD: “Nghiên cứu GP phát triển TTNK cho SV trường ĐHTB” của NCS. Lê Việt Dũng.

Ngày nhận bài: 15/02/2021; Ngày duyệt đăng: 30/04/2021